TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Việt Hồng

Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị C**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp G, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp G, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003 chị và anh M kết hôn, chung sống với nhau nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn nhưng chị vẫn cố gắng nhường nhịn để xây dựng gia đình. Gần đây anh M có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã cho cơ hội nhưng anh M không sửa đổi nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 người con là Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 2004 và Nguyễn Vủ D, sinh năm 2006 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị cam kết ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người khác.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày**: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về hôn nhân, con chung, nợ chung. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng, do chị C hay ghen tuông, anh cũng có sửa đổi nhưng vợ chồng vẫn hay cãi nhau. Khoảng 6 tháng nay anh và chị C ly thân, không sống chung với nhau. Nay chị C nộp đơn ly hôn thì anh vẫn muốn đoàn tụ, còn nếu chị C cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 2004 và Nguyễn Vủ D, sinh năm 2006 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Anh xác định anh và chị C không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị C và anh M là vợ chồng; về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân, chị C và anh M tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003

nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị C cho rằng anh chị sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Vì thương con nên chị cố gắng nhường nhịn, hàn gắn nhưng không có kết quả. Gần đây anh M có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã cho cơ hội nhưng anh M không sửa đổi. Còn anh M cho rằng anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng, do chị C hay ghen tuông, anh cũng có sửa đổi nhưng vợ chồng vẫn hay cãi nhau, không khắc phục được, đã ly thân khoảng 6 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị C và anh M có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị C không có ý định hàn gắn, chị vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh M là vợ chồng. Xét thấy, chị C và anh M chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh M.

[3] Về con chung: Anh chị xác định có 02 người con chung là Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 2004 và Nguyễn Vủ D, sinh năm 2006. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Thị C và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 2004 và Nguyễn Vủ D, sinh năm 2006. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0015190 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh